

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VINH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 15/2018/DS-ST

Ngày 15/10/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VINH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Triệu Khánh Long.

- Bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, mở phiên tòa để xét xử dân sự sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà T.T.S. , sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số 08, đường Ng. V. Th., k 6, p 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:** Chị L.T.B.N., sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X. S., xã L. H., thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh N.T.H, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X.S., xã L.H., thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 04 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn T.T.S. trình bày: Vào ngày 16/10/2014 bà T.T.S. có giao kết hợp đồng vay tài sản, hợp đồng không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Theo thỏa thuận, bà Sáu cho chị L.T.B.N.vay số tiền 32.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn thanh toán vào ngày 16/12/2014. Khi vay tiền, chị L.T.B.N.có giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ684167 do chị L.T.B.N.đứng tên cho bà

Sáu để giữ làm tin. Đến ngày thanh toán, chị B.N. không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi như đã thỏa thuận cho bà Sáu mặc dù bà Sáu nhiều lần yêu cầu chị B.N. thanh toán đủ số tiền đã vay còn nợ cho bà Sáu nhưng chị B.N. vẫn chưa thanh toán. Đến ngày 14/4/2017, chị L.T.B.N. đã làm biên nhận nợ, hẹn mỗi tháng sẽ đóng lãi cho bà Sáu đến khi nào trả đủ tiền thì sẽ nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Sáu đã giữ. Tuy nhiên, chị L.T.B.N. vẫn không thực hiện việc thanh toán vốn và lãi cho bà T.T.S. như thỏa thuận.

Vì vậy, bà T.T.S. khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc chị L.T.B.N. phải trả lại tiền vốn vay còn nợ là 32.000.000 đồng; tiền lãi suất vay từ ngày 16/10/2014 đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,125%/tháng đến ngày 15/10/2018 là 17.268.000 đồng tổng cộng là 49.268.000 đồng.

* Đối với bị đơn L.T.B.N.: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị B.N. nhưng chị B.N. không có mặt tại nhà nên đã giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N.T.H là chồng của chị B.N. nhận thay và cam kết đã giao lại cho chị B.N. theo quy định của pháp luật. Chị B.N. không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án. Theo thủ tục tố tụng, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia nhưng chị B.N. không hợp tác mà vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/5/2018 không có lý do. Tòa án thông báo kết quả công bố công khai chứng cứ và tiếp tục thông báo phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn lần hai để tham gia nhưng tại phiên hòa giải ngày 07/9/2018 chị B.N. vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

* Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản ghi lời khai anh N.T.H trình bày: Anh Hà và chị L.T.B.N. là vợ chồng sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Hiện nay chị B.N. đã bỏ nhà đi làm công không có mặt tại nhà, anh Hà có nhận thay chị B.N. các văn bản của Tòa án giao và có thông báo cho chị B.N. biết về nội dung các văn bản của Tòa án đã gửi để chị B.N. biết nhưng không có ý kiến gì. Việc chị B.N. có vay tiền của bà T.T.S. hay không thì anh Hà không biết, nếu chị B.N. có vay tiền của bà T.T.S., anh Hà cũng đồng ý cùng với chị B.N. thanh toán dần cho bà Sáu. Tòa án đã thông báo thụ lý và đưa Anh N.T.H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, triệu tập hợp lệ anh Hà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/9/2018 nhưng ông Hà vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của luật tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của luật tố tụng. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, bà T.T.S. yêu cầu chị L.T.B.N. phải trả lại tiền vốn và lãi suất mà chị B.N. đã vay của bà Sáu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được điều chỉnh tại các Điều 463, Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn L.T.B.N. và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan N.T.H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn L.T.B.N. và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan N.T.H.

[2] Về nội dung giải quyết:

Xét hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn T.T.S. và bị đơn L.T.B.N. mặc dù chỉ thỏa thuận giao kết bằng lời nói, không có hợp đồng cụ thể. Nhưng thực tế, bị đơn L.T.B.N. có viết biên nhận vào ngày 14/4/2017 thừa nhận đã vay của nguyên đơn T.T.S. số tiền vay 32.000.000 đồng từ ngày 16/10/2014 và giao cho nguyên đơn Sáu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ684167 do bà L.T.B.N. đứng tên để nguyên đơn Sáu giữ làm tin, hẹn sẽ thanh toán vốn và lãi cho nguyên đơn Sáu để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với tình tiết sự kiện này, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn L.T.B.N. không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự khẳng định việc vay tài sản giữa nguyên đơn T.T.S. với bị đơn L.T.B.N. thực tế có xảy ra đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Vì vậy giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại một quan hệ hợp đồng vay tài sản hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do bị đơn L.T.B.N. đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả

vốn, lãi theo giao kết, vì vậy bị đơn L.T.B.N. là người có lỗi nên phải chịu hậu quả pháp lý về hành vi vi phạm của mình.

Xét lời trình bày của nguyên đơn, trong quá trình vay giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất với nhau nhưng chưa được thanh toán lãi suất thấy rằng: Ý kiến này của nguyên đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn L.T.B.N. không có ý kiến phản đối; đồng thời việc thỏa thuận lãi suất còn thể hiện trong biên nhận nợ ngày 14/4/2017 mà phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự khẳng định hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất với nhau và bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi cho nguyên đơn.

Xét yêu cầu tính lãi suất phát sinh của phía nguyên đơn đối với bị đơn với mức lãi suất 1,125%/tháng đối với số tiền mà phía bị đơn vay, tính kể từ ngày 16/10/2014 đến ngày xét xử thấy rằng: Trong quá trình vay, các bên có thỏa thuận trả lãi suất, xác định rõ về mức lãi suất cụ thể với nhau tại biên nhận nợ. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi trên số tiền vốn đã vay với mức lãi suất là 1.125%/ tháng tương đương với 13.5%/ năm là không vượt quá mức lãi suất 20%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn. Cụ thể như sau: Tiền lãi suất phát sinh từ ngày 16/10/2014 đến 15/10/2018 được tính cụ thể là $32.000.000 \times 13.5\% / \text{năm} \times 47 \text{ tháng} = 17.268.000$ đồng.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan N.T.H, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn T.T.S. không yêu cầu anh Hà phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền của bị đơn L.T.B.N. đã vay nhưng do khoản tiền mà bị đơn vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L.T.B.N. với anh N.T.H nên anh N.T.H phải có nghĩa vụ chung đối với khoản tiền vay mà chị L.T.B.N. thực hiện trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai ngày 17/8/2018 của Tòa án đối với anh N.T.H, anh Hà khẳng định việc chi tiêu, sử dụng tiền chi tiêu trong nhà là do vợ anh là chị L.T.B.N. quản lý, anh không biết vợ anh vay của bà Sáu, nếu có vay anh sẽ cùng với chị L.T.B.N. sẽ thanh toán cho bà Sáu. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình để buộc anh N.T.H có nghĩa vụ liên đới cùng với chị L.T.B.N. thanh toán số tiền vay và tiền lãi nêu trên cho bà T.T.S. .

Từ những phân tích nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T.T.S. đối với bị đơn L.T.B.N. là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463 Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình buộc bị đơn L.T.B.N. và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan N.T.H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn

T.T.S. khoản tiền vốn vay còn nợ là 32.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 17.268.000 đồng, tổng cộng là: 49.268.000 đồng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ684167 do chị L.T.B.N. đứng tên mà nguyên đơn Sáu đang giữ, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn T.T.S. không phải là tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật nên không có chức năng cho vay theo hình thức thế chấp tài sản là các loại giấy tờ có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định việc giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để làm tin, tạo sự tin tưởng về khả năng thanh toán nợ của bị đơn nên nguyên đơn T.T.S. phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ684167 do chị L.T.B.N. đứng tên cho chị L.T.B.N..

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn L.T.B.N. và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan N.T.H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Theo đó, bị đơn L.T.B.N. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể là: 49.268.000 đồng x 5% = 2.463.400 đồng.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 143, Điều 144; Điều 146, Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Các Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T.T.S. về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn L.T.B.N..

Buộc chị L.T.B.N. và anh N.T.H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà T.T.S. số tiền vốn vay còn nợ là 32.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 17.268.000 đồng, tổng cộng là: 49.268.000 đồng

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T.T.S. có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng chị L.T.B.N.và anh N.T.H còn phải trả lãi cho T.T.S. theo mức lãi suất 10% /năm đối với số tiền chậm thi hành án.

Bà T.T.S. phải trả lại cho L.T.B.N.bản chính giấy số BQ684167 do chị L.T.B.N.đứng tên khi chị L.T.B.N.và anh N.T.H thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T.T.S. .

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị L.T.B.N.và anh N.T.H phải chịu là 2.463.400 đồng. Bà T.T.S. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.170.000đồng theo biên lai số 0000826, ngày 10/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự
- THA Dân sự thị xã Vĩnh Châu
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn